

Bản án số: 86/2019/HS-PT
Ngày: 14-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quý.

Các Thẩm phán: Bà Võ Bích Hải.

Ông Nguyễn Văn Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tổng Phi Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trung Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 102/2019/TLPT-HS ngày 01 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo Võ Thị Mỹ H do có kháng cáo của bị cáo, bị hại và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2019/HS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, bị kháng nghị:

Võ Thị Mỹ H, sinh năm: 1992 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: phường C, quận N, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn H1, sinh năm: 1959 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1961; có chồng Nguyễn Chí H2 và có 01 người con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- Bị hại: Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm: 1961. Có mặt.

Trú tại: phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 3/2017, bà Nguyễn Thị M nói với Võ Thị Mỹ H (con nuôi bà M) cần mua đất thuộc thành phố Cần Thơ để ở, lúc này do thiếu tiền tiêu xài cá nhân nên H nảy sinh ý định lừa bà M để chiếm đoạt tiền, H nói

đôi với bà M có bạn tên Đào Việt T1 làm môi giới đất đai và cho biết có một mảnh đất ở khu dân cư Hưng Phú thuộc quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ đang cần bán với giá 210.000.000 đồng. Thấy vậy, bà M kêu H chở đi xem đất, H chở bà M đến khu đất trống ở khu dân cư Hưng Phú thuộc quận Cái Răng, H chỉ bà M vào miếng đất trống để bà M tin tưởng nhưng thực chất mảnh đất này không có ai kêu bán. 03 ngày sau, bà M đồng ý mua mảnh đất H chỉ và đưa cho H 100.000.000 đồng để đặt cọc. H mua 01 biên nhận ở tiệm tạp hóa và đặt con dấu “ĐÃ THU TIỀN” trên Facebook rồi ký tên “Đào Việt T1h” đóng dấu vào tờ biên nhận tiền đặt cọc 100.000.000 đồng đưa cho bà M để bà M tin tưởng. Sau khi lấy tiền của bà M, H lên mạng tìm người làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, H tìm được nick Zalo “nhận làm giấy tờ văn bằng giả các loại”, H trao đổi và kết bạn với người nam nói giọng miền bắc (không rõ họ tên địa chỉ), thống nhất làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả với giá 15.000.000 đồng, người nam trên cho H số tài khoản Ngân hàng có tên Nguyễn Đức V ở quận 9, thành phố Hồ Chí Minh rồi kêu H đưa trước 5.000.000 đồng, hẹn một tuần sau làm xong thì đưa hết số tiền còn lại. Trước khi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, H chuyển thêm vào tài khoản tên V số tiền 10.000.000 đồng qua tài khoản tại Ngân hàng Sacombank, sau đó H nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BV 716854, thửa số 769, tờ bản đồ số 6, địa chỉ KDC (lô số 49) khu đô thị mới Nam sông Cần Thơ, diện tích 90,5m² mang tên bà Nguyễn Thị M do Ủy ban nhân dân quận Cái Răng cấp ngày 20/8/2017 từ thành phố Hồ Chí Minh về bến xe N bằng xe khách Phương Trang. Tất cả các giấy tờ có liên quan đến giao dịch làm giấy giả H xé bỏ. Do nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả sớm hơn 07 ngày so với thời gian ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nên H giữ lại, chưa đưa cho bà M, trong thời gian này H soạn 02 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số: 37/HĐCN, người chuyển nhượng tên Nguyễn Mạnh H3, sinh năm: 1960 – địa chỉ đường 30/4, khu vực 4, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ, bên nhận chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị M, thông tin người chuyển nhượng tên H3 là do H tự đặt ra và ký tên rồi đưa cho bà M. Đến ngày 20/8/2017, H đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho bà M, bà M đưa số tiền 110.000.000 đồng còn lại cho H.

Đến khoảng giữa tháng 12/2017, bà M muốn mua thêm 01 mảnh đất tại thành phố Cần Thơ nên hỏi H, H tiếp tục lừa bà M cũng như lần trước. H nói còn một mảnh đất cặp mảnh đất đã mua trước đó ở khu dân cư Hưng Phú, quận Cái Răng cũng bán với giá 210.000.000 đồng, lần này bà M tin tưởng nên không kêu H chở đi xem đất, bà M đưa 100.000.000 đồng cho H đặt cọc mua đất. Sau đó, H liên lạc qua Zalo với người đã làm giấy giả trước đó để đặt làm thêm một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, giao dịch giống như lần trước. 07 ngày sau, H nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BV 716856, thửa 768, tờ bản đồ số 6, diện tích 90,5m², địa chỉ: KDC (lô số 48) khu đô thị mới Nam sông Cần Thơ thuộc phường Hưng Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ cấp ngày 28/12/2017. Đến ngày 28/12/2017, H đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M và ngày 29/12/2017 bà M đưa số tiền 110.000.000 đồng còn lại

cho H.

Đến ngày 28/5/2018, bà M bán 02 mảnh đất trên cho bà Dư Thị H4 với số tiền 1.540.000.000 đồng, bà M đưa hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H4 để làm thủ tục sang tên, bà H4 đưa 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ngụy Ngọc A (con bà H4). Ngày 31/5/2018, bà Ngọc A đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Cái Răng làm thủ tục sang tên thì bị phát hiện 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị M là giả. Lúc này, bà M mới biết bị H lừa để chiếm đoạt tiền và bà M đã trả lại toàn bộ số tiền bán đất cho bà H4.

Ngoài ra, khoảng tháng 5/2018 đến tháng 6/2018, bà M hứa cho H 550.000.000 đồng để mua đất làm tài sản riêng; để lấy tiền của bà M sớm hơn, H mua sim điện thoại số 01222.892982 mạo danh tên Nguyễn Hoài T là nhân viên nhà đất – lãnh đạo của Đào Việt T1 gọi điện thoại và nhắn tin cho bà M số tài khoản ngân hàng ngẫu nhiên (không nhớ số) để bà M chuyển tiền đặt cọc mua đất vì H biết bà M sẽ đưa tiền cho H chuyển tiền, bà M đưa tiền cho H 03 lần tổng cộng 550.000.000 đồng để H mua đất. Sau đó, H sợ bị phát hiện nên lấy điện thoại của bà M xóa bỏ số điện thoại 01222.892982 của bà M lưu tên T trong danh bạ điện thoại rồi lưu số điện thoại do H tự đặt ra số 0904.584140 vào điện thoại của bà M rồi H ném bỏ sim điện thoại 01222.892982 cùng với điện thoại của H.

Tại kết luận giám định số: 124/KLGD-PC54 ngày 22/6/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ kết luận 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 768 và thửa số 769 do bà Nguyễn Thị M đứng tên chuyển nhượng cho bà Dư Thị H4 là giấy giả.

Ngày 02/10/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cái Răng chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận N để giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với người nhận làm giả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo lời trình bày của Võ Thị Mỹ H, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được đối tượng và tiến hành xác minh tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín phòng giao dịch N thì H không có giao dịch chuyển tiền cho V nên chưa có cơ sở để xử lý.

Đối với 02 số điện thoại 01222.892982 và 0904.584140, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, khi nào có kết quả sẽ tiến hành xử lý sau.

Vật chứng thu giữ: 01 giấy biên nhận ghi ngày 20/02/2018; 02 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 716854 thửa đất số 769 và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 716856 thửa đất số 768 do bà Nguyễn Thị M đứng tên.

Quá trình điều tra Võ Thị Mỹ H thừa nhận hành vi phạm tội và đã trả lại cho bà Nguyễn Thị M số tiền 420.000.000 đồng, bà M không yêu cầu bồi thường.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2019/HSST ngày 31/5/2019 của Tòa án nhân dân quận N đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Võ Thị Mỹ H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Võ Thị Mỹ H 03 năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi tuyên án sơ thẩm, vào ngày 10/6/2019, bị cáo Võ Thị Mỹ H và bị hại Nguyễn Thị M có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo được hưởng án treo với lý do bị cáo đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi và cha mẹ già trên 60 tuổi, bị hại có đơn xin giảm hình phạt, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đang điều trị bệnh.

Ngày 12/6/2019, Viện kiểm sát nhân dân quận N có quyết định kháng nghị số: 08/QĐ-VKSOM kháng nghị Bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2019/HSST ngày 31/5/2019 của Tòa án nhân dân quận N; đề nghị xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng tăng hình phạt đối với bị cáo Võ Thị Mỹ H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Võ Thị Mỹ H, bị hại Nguyễn Thị M vẫn giữ yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm chứng cứ về các tình tiết mới.

Kiểm sát viên nhận định: Bị cáo Võ Thị Mỹ H là người đã thành niên, có nhận thức pháp luật, muốn có tiền tiêu xài cá nhân nhưng lười lao động nên bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối, dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị M với số tiền 420.000.000 đồng; đối với hành vi chiếm đoạt số tiền 550.000.000 đồng, đây là số tiền bà M đã tự nguyện tặng cho bị cáo nên không xem xét xử lý là phù hợp. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm và Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự và áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là phù hợp. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá hết mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo phạm tội nhiều lần nhưng chưa áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 mà áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xét xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là không phù hợp và mức án đã tuyên là không đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Vì vậy, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và người bị hại; đề nghị chấp nhận quyết định kháng nghị số: 08/QĐ-VKSOM ngày 31/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận N, đề nghị xử phạt bị cáo Võ Thị Mỹ H với mức án từ 07 năm tù đến 08 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Quá trình tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm đã tuân thủ các quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho những người tham gia tố tụng. Các chứng cứ tại hồ sơ đủ để kết luận về hành vi phạm tội của bị cáo, cũng như để giải quyết các vấn đề khác có liên quan.

[1] Lời thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời trình bày của người bị hại. Bị cáo là người đã thành niên, có nhận thức pháp luật, muốn có tiền tiêu xài cá nhân nhưng lười lao động nên khi nghe bà Nguyễn Thị M nói muốn mua đất ở thành phố Cần Thơ, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối làm cho bà M tin tưởng, đồng ý mua đất để bị cáo chiếm đoạt được tiền, cụ thể: Bị cáo nói dối thừa đất bán giá rẻ, rồi chở bà M đi xem phần đất trống tại nơi không biết rõ chủ sở hữu, chủ sở hữu thừa đất không kêu bán. Khi bà M đồng ý mua, bị cáo làm biên nhận đặt cọc ký giả tên người khác rồi tiếp tục tìm người làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng với hợp đồng mua bán để đưa cho bà M và chiếm đoạt số tiền 420.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương nên cần có mức án thật nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo và người bị hại: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo và bị hại có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo nhưng không ai bổ sung thêm chứng cứ về các tình tiết mới; các tình tiết nêu trong đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm đã được xem xét ở cấp sơ thẩm cũng như là điều kiện để được xem xét trong quá trình chấp hành án nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo và người bị hại như đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát về việc tăng hành phạt đối với bị cáo. Bị cáo là người có nhận thức pháp luật, giữa bị cáo với bị hại có mối quan hệ là người thân cùng sống chung trong một gia đình nhưng bị cáo có sự chuẩn bị cho quá trình phạm tội rất tinh vi và mục đích phạm tội đến cùng, cụ thể: Bị cáo có quá trình tìm hiểu vị trí thừa đất, dẫn bà M đi xem đất, lấy tên người bạn của bị cáo mà bà M đã từng quen biết để tạo lòng tin cho bà M, khi chiếm đoạt được tiền của bà M bị cáo tự tạo ra biên nhận rồi ký giả tên người khác, tìm mua giấy tờ giả đưa cho bà M. Khi biết bà M chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Dư Thị H4, bị cáo biết rõ là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, không thể chuyển

nhượng nhưng bị cáo không ngăn cản, không biết cải sửa mà đồng ý ký tên vào biên nhận tiền cọc, liên lạc với ông Võ Văn H1 về để hoàn tất thủ tục chuyển nhượng tại phòng công chứng; đến khi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả bị phát hiện bị cáo quanh co, không thừa nhận hành vi phạm tội. Sau đó, chỉ vì muốn sớm được nhận số tiền bà M hứa cho, bị cáo tiếp tục dùng nhiều thủ đoạn gian dối để được bà M chuyển tiền sớm nhất cho thấy mức độ tinh vi và nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của bị cáo. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo chỉ thành khẩn khai báo nhất định; bị cáo trình bày đã 04 lần chuyển tiền cho Nguyễn Đức V qua tài khoản Ngân hàng nhưng không có gì chứng minh, xác minh tại Ngân hàng thì không thể hiện việc chuyển tiền của bị cáo nhưng cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là có lợi cho bị cáo. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 02 lần nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 mà áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là không phù hợp. Với phân tích trên cho thấy cấp sơ thẩm chưa đánh giá hết mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của bị cáo, xét xử bị cáo với mức án 03 năm tù là không đúng, không nghiêm và không đảm bảo tính răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội nên chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận N và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, sửa án sơ thẩm theo hướng tăng hình phạt đối với bị cáo là phù hợp.

Ngoài hành vi phạm tội nêu trên, bị cáo còn có hành vi thuê người làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đưa cho bà Nguyễn Thị M để chiếm đoạt tiền của bà M. Khi bà M sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng giả để ký chuyển nhượng cho bà Dư Thị H4, bị cáo biết rõ là không thể chuyển nhượng được nhưng không ngăn cản mà ký vào biên nhận đặt cọc, giúp bà M hoàn thành thủ tục chuyển nhượng tại phòng công chứng; hành vi này của bị cáo có dấu hiệu phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” nên kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận N và Viện kiểm sát nhân dân quận N tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý khi có đủ căn cứ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và người bị hại. Chấp nhận kháng nghị số: 08/QĐ-VKSOM ngày 12/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận N. Sửa án sơ thẩm.

Tuyên bố: Bị cáo Võ Thị Mỹ H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Võ Thị Mỹ H 07 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận N và Viện kiểm sát nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ xem xét khởi tố Võ Thị Mỹ H đối với hành vi “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” khi có đủ căn cứ theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Viện KSND TPCT;
- Sở tư pháp TPCT;
- Công an TPCT;
- Cơ quan tố tụng quận N;
- Bị cáo và những người TGT;
- Lưu hồ sơ.

(*đã ký*)

Nguyễn Hoàng Quý